

VÀI NÉT VỀ “LÀNG VĂN” VÀ “LÀNG HỘ” CỦA XÃ HOÀNG LỘC (HOÀNG HÓA, THANH HÓA) THỜI TRUNG ĐẠI

MAI PHƯƠNG NGỌC*

Dưới thời trung đại, ở một số làng xã, thông thường là những vùng quê có truyền thống học hành, thường ra đời các Hội tư văn, nơi tập hợp của những Nho sinh, kẻ sĩ trong làng, trở thành thành viên của Hội tư văn là vinh dự lớn trong con mắt của cả làng, cả xã. Do vậy, các công trình nghiên cứu về làng xã đều dành một dung lượng đáng kể tìm hiểu về hoạt động của Hội tư văn.

Đối với trường hợp xã Hoàng Lộc, có một điểm đáng chú ý là, bên cạnh Hội tư văn - được gọi với cái tên đặc trưng hơn: “Làng văn”, thì còn một tổ chức xã hội khác, đó là “Làng hộ”, nơi tập hợp của những trai đinh từ 18 tuổi không được học hành, có nghĩa vụ phu phen tạp dịch. Nghĩa là, trong cùng một cộng đồng cư dân thống nhất lại được phân chia thành hai tập hợp dân với những đặc trưng riêng về nghĩa vụ, quyền hạn. Đây là điểm độc đáo so với tất cả các làng xã khác, là điều chúng tôi muốn tìm hiểu kĩ hơn trong bài viết này.

I. Đôi nét về vùng đất Hoàng Lộc thời trung đại

Xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa vốn có tên cổ là Kẻ Vụt, rồi trở thành trang Dường Bột vào thế kỉ X. Từ

thời trung đại cho đến đầu thế kỉ XIX, vùng đất này là địa phận hai xã: Bột Thượng, Bột Hạ, sau này là Bột Thượng và Bột Thái. Sách “*Các tổng trấn danh bị lãm*” ghi rõ hai làng Bột Thượng và Bột Thái thuộc tổng Hành Vi, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung, Thanh Hoá nội trấn (1). Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), Thượng thư Bộ Hộ là Hứa Đức làm bản tấu trình lên vua Minh Mệnh về việc sửa đổi một số tên tổng xã, thôn trong cả nước. Trong đó, Bột Thượng được đổi là xã Hoàng Đạo. Từ nửa cuối thế kỉ XIX, xuất hiện tên hai xã Hoàng Nghĩa - Bột Hưng vẫn trên cơ sở địa dư và thành phần cư dân của làng Hoàng Đạo, Bột Thái, nghĩa là hai xã đã tồn tại cạnh nhau dưới những tên gọi mới. Mặc dù được chia làm hai xã trong hệ thống hành chính nhà nước quân chủ, thế nhưng trên thực tế nơi đây vẫn là khối cộng đồng cư dân đã tồn tại ổn định và bền vững từ lâu đời. Mọi hoạt động đều mang tính chất cộng đồng, các gia đình, dòng tộc vẫn quây quần trong cùng ngõ xóm. Minh chứng rõ nét nhất là cả hai xã đều thờ chung thần thành hoàng tại Bảng Môn Đình. Tuy mỗi xã có tên riêng nhưng mọi người vẫn thường gọi là làng Hoàng Bột hay Lương Bột hoặc Nhị Bột.

* ThS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh

Nhắc đến Hoàng Bột là nhắc đến một vùng đất học. Ở xứ Thanh có các câu phương ngôn nổi tiếng được lưu truyền như: “*Cơm Nồng Cống, cá Quảng Xương, văn chương Hoàng Hóa*”, “*Thị Hoàng Hóa, khóa Đông Sơn*”. Trong nét chung “văn chương Hoàng Hóa” ấy thì nổi bật là Hoàng Bột: “*Đông Sơn tứ Bôn, Hoàng Hóa lưỡng Bột*”. Nếu như dưới thời trung đại, Thanh Hoá có 206 người đỗ đại khoa thì riêng huyện Hoàng Hóa có 48 người và Hoàng Lộc có tới 12 vị Tiến sĩ. Thống kê từ *Đặng khoa lục Thanh Hóa* và *Quốc triều hương khoa lục* cho biết hai làng Bột có 117 người đỗ trung khoa (2). Bởi vậy, học hành, khoa bảng là đặc điểm nổi bật của vùng đất này, cũng là điểm chi phối mọi hoạt động của cộng đồng làng xã.

2. Làng văn và Làng hộ Hoàng Bột

Làng văn

Tác giả Phan Đại Doãn cho rằng: Hội tư văn xuất hiện rất sớm, có thể đã có từ thế kỉ XV, duy trì, phát triển vào các thế kỉ XVIII, XIX và đầu XX (3). Ở Hoàng Bột, trong gia phả họ Bùi có ghi lại sự kiện: vào tháng 2 năm 1581, Bùi Khắc Nhất đã 49 tuổi, vẫn làm việc ở bộ Hình. Ông trông coi việc ngục không để oan khuất, thiên hạ ca ngợi (...). Hai làng Bột Thượng, Bột Thái theo phong tục Văn hội làm bức trướng đến mừng ông (4). Như vậy, có thể khẳng định rằng Hội tư văn ở Hoàng Bột phải có từ trước năm 1581. Đây là mốc ra đời sớm so với một số Hội tư văn ở các vùng khác của xứ Thanh. Trong các tài liệu về văn bia và hương ước ở Thanh Hóa, chúng ta thường thấy nhắc đến các hội tư văn vào thế kỉ XIX. Một trường hợp khác, Hội tư văn cũng được đánh giá là ra đời khá sớm, song cũng sau “Làng văn” Hoàng Bột ít nhất gần 80 năm là trường hợp Hội tư văn xã Văn Nhưng, huyện Đông Sơn. Bia miếu Văn

thánh xã này do Phạm Công Trứ (Tiến sĩ khoa Mậu Thìn - 1628), Tả thị lang Bộ Hộ, tước Yến Đình bá soạn, tạo năm Thịnh Đức thứ 4 nhà Lê cho biết mốc ra đời của Văn hội ở đây: xã Văn Nhưng là nơi danh thắng, lại có nhiều người đỗ đạt, ông Thái thường tự khanh, chức Thái bảo, tước Văn Nguyên bá lập Hội tư văn (Như vậy, Hội tư văn ra đời năm 1656 - TG), nhân đó dựng nhà từ vũ ba gian làm nơi thờ cúng tiên hiền, dựng bia khắc tên người đỗ đạt (5).

Nhiệm vụ của Hội tư văn là khuyến khích việc học tập, xây dựng và trùng tu văn chỉ, viết và đọc văn tế ở đình miếu: sự ra đời của mỗi văn từ, văn chỉ đều gắn liền với vai trò và hoạt động của Hội tư văn. Bia văn chỉ xã Quả Nhuệ Hạ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tạo khắc năm Tự Đức thứ 23 (1872) có ghi: “Các ông Lê Xuân Quý, Lê Văn Tham, Lê Sĩ Thu... cùng các bậc trên dưới trong văn hội xã Quả Nhuệ Hạ, tổng Thượng Cốc, huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân dựng bia ghi sự việc: ấp ta từ xưa đã có người đỗ Hương tiến, làm quan đến chức Huyện tể. Bản ấp từng lập văn chỉ, xây cất văn từ. Từ đấy, văn từ cũng đổi ba lần được tu sửa nhưng qui mô chưa được to lớn. Nay, văn hội bàn ấp bàn bạc mở rộng văn chỉ, xây cất lại văn từ. Công việc xong xuôi, bèn cho dựng bia để lưu truyền lại...” (6). Đối với trường hợp xã Hoàng Lộc, điểm đặc biệt của vùng quê này là văn chỉ đặt tại làng chính là văn chỉ của huyện. Tương truyền rằng: Văn chỉ trước đây được đặt tại địa điểm thuộc xã Hoàng Lưu ngày nay. Nhưng chỉ sau một đêm, Văn chỉ đã được các âm binh khiêng về đặt ngay sát cạnh Bàng Môn đình. Hiện nay, Văn chỉ còn lại nền cũ, một vài tấm bia được khắc lại, nhưng dấu vết cho thấy đây là Văn chỉ hàng huyện vào loại lớn ở Thanh Hoá. Văn chỉ là nơi để các bậc túc nho, các nhà khoa bảng, các kẻ sĩ thực hiện nghi lễ thờ phụng

Khổng Tử và những người đồ đệ của mỗi vùng đất. Văn chỉ hàng huyện được đặt tại Hoàng Lộc cho thấy vị trí của vùng đất này đối với sự học của Hoàng Hóa. Điều này cũng cho thấy "Làng văn" không chỉ có vai trò đối với đời sống làng Hoàng Bột xưa mà còn có vị thế to lớn trong việc giữ gìn truyền thống, mạch nguồn khoa bảng của huyện.

Ở mỗi vùng, miền, Hội tư văn đều có các chính sách cụ thể đối đãi với các bậc đồ đệ, thành danh trên bước đường khoa cử của làng. Bia văn chỉ xã Quảng Chiếu, huyện Đông Sơn, tạo khắc năm 1898 đã ghi lại quy ước của Hội tư văn nhằm trọng đãi hiền tài gồm những điều như sau: 1) Từ nay về sau, trong xã có người đỗ Tiến sĩ thì Văn hội sửa lễ mừng và mừng tiến cho 12 quan. Đối với người thi đỗ Tạo sĩ với bên võ cũng như thế; 2) Người thi đỗ Cử nhân, hoặc trúng Vũ cử (bên võ) được mừng tiến 6 quan; 3) Người thi đỗ Tú tài, được mừng tiến 4 quan (...) (7).

Ở Hoàng Bột, hương ước của làng cũng quy định:

"Phàm là nghiệp văn mà trúng Tiến sĩ thì cả thôn chỉnh tế áo mũ, bày đầy đủ lễ vật đối với tổ tiên thì cỗ Sa Lao 1 con, xôi 1 bàn, rượu 1 vò, trâu cau một phong. Bản thôn mừng 3 quan tiền. Nếu trúng Tam khôi, thì cỗ tiền mừng là 5 quan. Tiếp đến là không kể hậu bạc, bản thôn cùng suy phong làm quan viên các chức trong làng. Làm lễ mừng vui, bản thôn sẽ mừng 1 quan 8 trăm mạch. Về quan võ từ Quận công trở lên thì như thế.

- Trúng tứ trường Hương thí thì yết kiến tổ tiên xôi một mâm, rượu 2 vò, thịt 2 miếng, trâu cau 2 phong, như làm lễ khai hạ thì bản thôn góp tiền dựng một lễ để tiện việc ăn uống. Còn theo trên dưới phân chia đều nhau. Như nộp tiền thì chuẩn là 2 quan, bản thôn làm lễ mừng cỗ tiền là 1

quan. Còn đáp lễ thì tính cho hậu đãi. Giản lược thì không câu nệ.

- Hương thí trúng Tam trường thì khi yết kiến tổ tiên cần xôi một hòm, thịt một mảng, rượu một vò, trâu cau một phong. Khi làm lễ khai hạ, bản thôn mừng tiền là 6 mạch, Lại trung thư toán cùng hội Tư văn cũng như vậy (TG nhấn mạnh).

- Trúng trường Kì thụ Tham nghị, tức trúng các chức Hiến phó, Thiếu khanh, Viên Ngoại lang, Tri phủ, làm lễ Khai hạ, chiếu phát cho thôn trên dưới cỗ tiền là 1 quan năm mạch, chiếu theo lệ vinh thăng phẩm trật. Lễ khai hạ cũng như vậy.

- Thí trúng trường kì thụ Tự thừa, thì theo lệ Chiếu khám điển Hàn lâm Tu soạn, Tri huyện, Huấn đạo, Tri bạ các chức làm lễ khai hạ thì chiếu phát cho bản thôn trên dưới mừng tiền là 1 quan 2 mạch. Đáp lễ chiếu theo điều kiện hiện tại. Võ thi từ Võ úy trở lên, từ Huyện thừa trở lên thì lễ như vậy" (8).

Như vậy bên cạnh quy định của làng xã dành cho những người đồ đệ thì Hội tư văn cũng có chế độ khuyến khích dành cho các sĩ tử được vinh danh trong khoa cử.

Sự ra đời của Hội tư văn phản ánh vai trò của tầng lớp trí thức trong làng xã Việt Nam truyền thống. Đặc biệt, Hội tư văn là tổ chức xã hội đóng vai trò chủ chốt trong các hoạt động lễ hội - đình cao của sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Trong những ngày tế lễ tại văn từ, vai trò của Hội tư văn có tính chất quyết định. Người chủ tế trong những ngày tế lễ "xuân thu nhị kì" thường là do người đứng đầu hội (Hội trưởng, hoặc Trùm tư văn). Khoản ước làng Nhân Vực (tổng Lỗ Hương, huyện Hoàng Hóa), được bổ sung dưới thời Bảo Đại (1925 - 1945), quy định cụ thể: "Tế lễ do chánh phó lí mới cũ, hương chức và trùm tư văn phụ trách" (9). Trong khoản ước thôn Nam, xã Bình

Hòa, tổng Nam Bàn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, soạn năm Tự Đức thứ 21 (1868) viết: "Khi bản thôn có việc cúng tế phụng sự thần thánh (...) các vị quan viên, trùm lão, hội tư văn theo chức vị làm lễ như nghi thức. Vị nào vắng mặt, không có lí do chính đáng, bản thôn phạt gà, rươi" (10). Sau khi dự lễ, mâm cỗ cũng được chia phần theo đúng nguyên tắc, trong đó Hội tư văn có phần quan trọng. Khoản ước thôn Nam, xã Bình Hòa nói rõ khi làng có việc ăn uống, "lễ biếu ông thủ từ một cỗ, lí trưởng một cỗ, bản thôn hai cỗ, hội tư văn hai cỗ, tuần phiên hai cỗ" (11).

Ở Hoàng Bột, tục tế thành hoàng cũng do "Làng văn" đảm nhiệm. Ngày mừng một Tết, văn thân trong làng làm lễ tế trời, đất sau đó làm lễ tế thành hoàng Nguyễn Tuyên. Trong khi làng mở hội tế lễ ở Đình dựn (tức một nền đất rộng, bằng phẳng, cao ráo trước Bảng Môn Đình), thì trong Bảng Môn Đình, Hội tư văn tổ chức dâng đọc ngọc phả và khen thưởng những bà vợ nuôi chồng ăn học thành tài, khuyến khích con em "sôi kinh nấu sữ", nhắc nhở những người củ xử trái với luân thường đạo lý, trái với nho phong. Nghi lễ này thường được gọi là "Đàm đạo". Nghi thức thường niên này chỉ diễn ra ở đình làng, một lần hiếm hoi trong năm.

Một nét độc đáo là chiếu ngồi cho các vị trí trong buổi Đàm đạo cũng tuân thủ triệt để nguyên tắc trên - dưới, trong - ngoài, cao - thấp rất rõ ràng.

- Hàng giữa trên nhất, trải chiếu cặp điều (có sách nói chiếu hoa) dành cho các học vị Tiến sĩ.

- Hàng giữa tiếp sau, trải chiếu cặp xanh, dành cho các vị Hương cống, Cử nhân.

- Bên tả: trải chiếu trơn, dành cho các học vị Tú tài.

- Bên hữu: trải chiếu trơn, dành cho các Nho sinh chưa đỗ đạt.

- Cuối hàng giữa: trải chiếu trơn, dành cho các lý hương đương chức ngồi ghi chép những quyết định đã được bàn bạc.

Các hàng chiếu xếp thứ bậc trên dưới, trong chiếu đều lấy tuổi thọ làm trọng. Cùng một học vị, ai cao tuổi hơn thì ngồi trên, ít tuổi ngồi dưới. Thí dụ, vào đời Thiệu Trị (1841 - 1847), làng Hoàng Bột có một người là Nguyễn Bá Nhạ, thông minh, học giỏi, đỗ Hoàng giáp năm 22 tuổi (12). Làng rất tự hào về Hoàng giáp Nguyễn Bá Nhạ và giành cho ông một chỗ ngồi cao nhất ở Bảng Môn đình. Nguyễn Bá Nhạ từng giữ chức Tri phủ Hàm Thuận thời Thiệu Trị nhưng không may ông bị bạo bệnh và mất sớm khi sự nghiệp còn dang dở. Tấm gương "cần lao khổ học" của Nguyễn Bá Nhạ đến nay vẫn được truyền tụng.

"Làng văn" Hoàng Bột do người có học thức cao nhất trong làng đứng đầu, gọi là Hội trưởng. Hội trưởng do Hội tư văn bầu (gọi là chế độ "đầu trâu"). "Làng văn" còn có một Hạp trưởng làm chức năng thư ký. Hạp trưởng là chức danh do làng đặt ra, có nhiệm vụ giữ và ghi sổ sách, tổ chức việc tế lễ ở văn chỉ, xuân thu nhị kì. Khi Hạp trưởng qua đời thì được hưởng vinh dự ngang với các ông tú tài, nghĩa là làng văn sẽ động trống ở văn chỉ báo hiếu để làng đến dự tang đông đủ (13). Một số Hội tư văn ở các làng ven biển huyện Hậu Lộc thì giúp việc cho Hội trưởng là Điển văn và Tả văn. Công việc chính của Điển văn là lo giấy tờ sổ sách cho Hội, tham gia soạn văn tế hoặc giao cho Tả văn lo soạn trong các dịp tế lễ Khổng Tử tại văn chỉ và tế thành hoàng làng hàng năm. Văn tế Khổng Tử ở làng Y Bích và văn tế thành hoàng làng An Giáo (huyện Hậu Lộc) đều ghi do Đồng tư văn hội soạn (14).

Điều đáng chú ý ở Hoàng Bột là mỗi lần "Làng văn" bầu Hội trưởng sẽ có sự tham dự của nhiều quan viên chức sắc và Hội trưởng Hội tư văn cũng phải được sự chấp thuận của quan trên.

Hội trưởng hay Hạp trưởng là các chức danh được làng xã trọng vọng, vì vậy gia phả các dòng họ ở Hoàng Lộc ghi lại nhiều trường hợp này. Gia phả họ Hà (Hà Duy Phiên) có ghi lại: ở đời thứ 9, hệ thứ hai, húy là Doãn làm Hội trưởng Hội tư văn bản xã đời thứ 11, húy là Cương, tự là Tịnh Chính, là Hạp trưởng Hội tư văn bản xã (15). Gia phả họ Nguyễn Hữu cũng ghi lại: "Tiên tổ khảo, Nho sinh trúng thức, kiêm bản xã tư văn văn trường Nguyễn Quý Công, tự Ôn Nhã", "Ông Nguyễn Vỹ làm Hạp trưởng ở xã, tự Lạc Thiện", "ông Nguyễn Tuyển làm lý trưởng, Hạp trưởng xã nhà"... Đáng chú ý là hiện tượng ông Nguyễn Tế, tự Phúc Hoàng, làm chánh lý trưởng rồi làm "Hạp trưởng xã nhà trong 30 năm" (16). Trong gia phả dòng họ Nguyễn Hữu tại xã Hoàng Lộc (Hoàng Hóa) cũng ghi lại việc Nguyễn Hoa (1701-1783) (15) sau khi về trí sĩ tại quê nhà (năm 1765) đã tham gia Hội tư văn của làng. Trước đó, ông tổ đời thứ tư của dòng họ này, sống vào khoảng cuối thế kỉ XVII cũng được bầu là Văn trưởng "Làng văn" (17).

Các nhà khoa bảng, những người biết chữ Hán, có phẩm chất đạo đức tốt, tổ tiên không làm điều gì hại làng hại nước, đã ngụ cư ở làng ít nhất ba đời theo lệ "Tam đại thành tổ", nộp lệ phí cho làng từ 10 đến 20 quan, thì được vào "Làng văn" (19). Điều này là thông lệ chung của các Hội tư văn đặc biệt là ở thế kỉ XIX. Hội tư văn xã Quảng Chiếu huyện Đông Sơn qui định: Những người từ 18 tuổi trở lên, muốn vào Hội tư văn thì nộp hội phí, tính mỗi tuổi 1 quan tiền. Đến năm Thành Thái, Đinh Dậu (1898), Hội đã có quỹ ruộng 3 mẫu 7 sào,

luân phiên cho các gia đình có người trong Văn hội cày cấy, hoa lợi dùng vào việc chung (20). Tài liệu xã chí của xã An Giáo, huyện Hậu Lộc cho biết: các thành viên từ 18 tuổi trở lên có thể gia nhập Hội tư văn. Lễ thức nhập hội cũng được qui định một cách chặt chẽ: các Nho sinh hay Giám sinh thường chuẩn bị một coi trâu, sửa một lễ gồm xôi, gà mang tới trình hội trưởng yết lễ tại đình hoặc văn chỉ. Sau khi trình báo nhập hội để trở thành hội viên chính thức, vị Nho sinh hay Giám sinh phải làm lễ vọng Hội tư văn. Số tiền vọng hội được qui định là 36 quan tiền đồng. Nếu không có tiền nộp phải gán ruộng đất cho hội. Số tiền vọng hội được đem mua ruộng đất, số đất gán cho hội đều được sử dụng vào mục đích của hội thông qua việc phát canh thu tô. Tô mà Hội tư văn thu là bằng xôi nếp thơm mà người nhận ruộng có trách nhiệm nấu để phục vụ vào những ngày tế lễ Khổng Tử tại văn chỉ, trong các dịp tế lễ xuân thu nhị kì tại đền thánh và thành hoàng ở đình (21).

Ở Hoàng Bột, đối với thành viên của mình, "Làng văn" có hình thức giáo dục đòi hỏi phải đảm bảo tư cách đạo đức tốt, giữ gìn danh dự của người có học. Những người không chấp hành điều lệ, có hành động, thái độ trái với lệ làng, phép nước, thì sẽ bị xoá tên trong sổ làng văn. Người dân Hoàng Bột tự hào về "Làng văn" và truyền thống khoa bảng, hiếu học của mình:

San sát dấu hấu nền tương, dòng trâm anh nổi gót chen vai;

Chan chan vách Khổng sân Trình, nhà thi lễ liên tường giáp mái...

(*Thức ước văn làng Hoàng Bột*) (22).

Làng họ

Trước hết, cần phải nói rằng những nguồn tư liệu về "Làng họ" thực sự ít ỏi.

Các nguồn tài liệu chính văn hầu như không ghi chép về điều này, hoặc giả chỉ tản mạn đôi chút. Sở dĩ như vậy bởi “Làng hộ” bao gồm các dân đinh từ 18 tuổi không được học hành, phải làm các nghĩa vụ phu phen tạp dịch như khiêng kiệu, trải chiếu trong các ngày lễ hội, đón rước. Các công việc của “Làng hộ” là những việc nặng nhọc, hèn kém, bởi vậy không được làng xã coi trọng, dù rằng con số “Làng hộ” chắc chắn sẽ phải đông đảo hơn nhiều so với “Làng văn” hay Hộ tư văn.

Những trai đinh không biết chữ, từ 18 tuổi trở lên được biên vào sổ “Làng hộ” của Hoàng Bột. Đứng đầu “Làng hộ” là ông Thủ hộ. Đây là người có uy tín trong “Làng hộ” và được quan trên phê chuẩn. Trong kí ức của những người dân họ Bùi còn nhớ dòng họ mình trước đây có ông Thủ Hộp (ông Thủ hộ tên là cố Hộp) là người làm việc được dân làng kính trọng, quan trên.

Dấu tích của “Làng hộ” còn được lưu giữ ở địa điểm gọi là điểm canh của làng, cũng gọi là điểm làng hộ. Điều này cho phép chúng ta suy luận rằng, không chỉ là phu phen tạp dịch trong các ngày lễ hội, “Làng hộ” còn có chức năng thực hiện việc canh phòng cho làng. Địa điểm điểm canh làng hộ cũng chính là nơi diễn ra phiên chợ chuyên bán vải vào các ngày 4; 9 âm lịch, gọi là chợ Diêm.

Cũng ở điểm canh, “Làng hộ” họp vào ngày mùng 2 Tết. Đây là lần họp duy nhất trong năm của dân hộ. Tại buổi họp này, không khí diễn ra trang nghiêm, trật tự, thậm chí trong trí nhớ của những người dân Hoàng Lộc, khi “Làng hộ” họp, những người đi ngoài điểm cũng phải nhẹ nhàng, không được gây ồn ảnh hưởng đến buổi họp. Đây là cuộc họp quyết định việc phân công các nghĩa vụ trong “Làng hộ”, từ việc cắt cử những người khiêng kiệu, trải chiếu,

phu phen tạp dịch trong các dịp lễ hội, khi có quan về làng hay có người đỗ đạt được vinh quy bái tổ; đến phân công những người làm khán chợ và rao mõ. Có một điểm cần lưu ý là, với đất Hoàng Bột, mảnh đất khoa bảng thành danh nên những người rao mõ dù là cư dân của “Làng hộ” không được học hành song lại phải lựa chọn cẩn thận. Đây phải là những người dù không biết chữ, nhưng có thể chuyển các nội dung cần truyền đạt đến làng xóm thành những bài về thú vị. Người dân Hoàng Lộc cho biết: theo các cụ kể lại, trước đây, dưới thời Nguyễn, ở làng có cụ cố Thủ rao mõ hay đến mức khi tri huyện đi qua nghe được đã thường cho cụ 1 hào bạc.

Trong các công việc của “Làng hộ”, công việc có “danh giá” hơn cả có lẽ chính là cái chức “khán chợ”. Đất Hoàng Bột có chợ Quăng - một chợ lớn của tỉnh Thanh. Chợ nhộn nhịp như câu ca từng miêu tả: “*Chợ Quăng phiên đại, người đại cũng đi*”, không chỉ người trong huyện mà cả các huyện lân cận cũng về đây buôn bán. Trong chợ phân chia ra từng khu hàng riêng, hàng vải ngồi gần khu đình Bảng Món, rồi đến hàng xén, hàng thịt ngồi phía ngoài. Chính vì vậy, việc tìm được một chỗ ngồi trong chợ để thuận tiện cho buôn bán thì phải “nhờ cậy” đến ông “khán chợ”, cũng do đó mà vị trí của ông “khán chợ” cũng trở nên quan trọng hơn nhiều!

Theo tài liệu diên dã của chúng tôi, có một điểm đặc biệt về “Làng hộ” ở Hoàng Bột là mặc dù quanh năm phải thực hiện các nghĩa vụ nặng nhọc, song có 3 ngày “Làng hộ” được “quyền lực” quan trọng là 3 ngày Tết: mùng 1, 2, 3, họ được đi đến nhà các quan chúc tết, được dọn cỗ bàn mời ăn, được thưởng tiền mừng tuổi mang về. Đây là những ngày mà người dân hộ có thêm cái quyền được tôn trọng của làng xã, để rồi

sau ba ngày tết, họ lại trở về với thân phận phục dịch của mình. Dấu sao di chăng nữa, truyền thống này cũng phản ánh một nét văn hóa đẹp của người Hoàng Bột!

Trong các nghiên cứu về làng xã Thanh Hóa, ngoại trừ cuốn sách viết về Hoàng Lộc - "*Hoàng Lộc đất hiếu học*" thì hầu như không đề cập đến tổ chức này. Một vài tài liệu có nhắc đến các nhân vật "thủ hộ" và "dân hộ" như: Khoản ước làng Hữu Lễ, xã Mọc Sơn, huyện Lôi Dương, phủ Thọ Xuân, năm Thành Thái thứ 18 (1906), trong điều thứ 18 có ghi: "Phàm người nào mất trâu bò, phải lập tức trình với *thủ hộ* (TG nhấn mạnh), hoặc trùm trưởng để đánh ba hồi trống..." (23). Điều 24 trong khoản ước tiếp tục nhắc đến nhân vật "thủ hộ": "Hễ đến kì bản quản thân phụ thân làm lễ cầu phúc, mọi người trong thôn, từ 8 tuổi trở lên, đều tự đến lĩnh cáo giải (...) Chư viên khuynh hạng, từ khán hộ trở lên, *thủ hộ* (TG nhấn mạnh) trở xuống, cứ theo thứ tự canh phòng ứng trực, để biểu thị cái nghĩa trên dưới tương thân tương trợ" (24).

Khoản ước thôn Nam, xã Bình Hòa, tổng Nam Bạ, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, soạn năm Tự Đức thứ 21 (1868) thì nhắc tới nhân vật thủ hạng: "Các hạng đình nam, nếu nghe thấy 6 hồi trống phải đến đình họp với các cụ trùm lão. Nếu ai bận việc riêng, trình với lí trưởng hay *thủ hạng* (TG nhấn mạnh) thì được miễn" (25). Phải chăng, đây cũng là một cách gọi của Thủ hộ?

Bên cạnh đó, khoản ước làng Nhân Vực, tổng Lễ Hương, huyện Hoàng Hoá cũng ghi rằng: "Ai có chuyện tang nhờ dân làng tống táng thì từ trùm trưởng đến kí dịch đều ăn mặc đồ đưa tang. *Dân hộ* (TG nhấn mạnh) từ bàn 4 trở xuống nên đi đưa tang" (26). Có phải "dân hộ" được nhắc đến trong khoản ước cũng chính là "dân hộ" của "Làng hộ"?

Mặc dù vậy, những cứ liệu trên chưa cho phép chúng ta khẳng định về hoạt động của tổ chức "Làng hộ" tại các vùng này. Đối với trường hợp Hoàng Bột, điểm độc đáo chính là ở chỗ, hai tổ chức "Làng văn" và "Làng hộ" tồn tại trong cùng các xóm ngõ, song có các quy định và thể chế sinh hoạt khác nhau. "Làng hộ" ở đây không tách biệt khỏi cộng đồng dân cư, điều này để phân biệt với các trường hợp "Làng hộ" của các "khách hộ" phải cư ngụ ngoài làng. Ở làng Bột, họ vẫn quây quần trong làng xóm, song không được dự họp ở đình Bảng Môn, mà phải đến điểm canh của "Làng hộ".

"Làng hộ" là lực lượng đảm trách các công việc nặng nhọc, vất vả của làng. Thoát khỏi địa vị trong "Làng hộ" là ước mơ của mọi trai đình trong làng xã.

3. Một vài nhận xét

3.1. Cũng là các làng khoa bảng, nhưng làng Mộ Trạch (Hải Dương) hay làng Quỳnh Đôi (Nghệ An) không có sự phân chia cư dân thành "hai làng" như trường hợp Hoàng Lộc. Trong cùng một làng xã, ngõ xóm, dòng họ, thậm chí có khi cùng một đại gia đình, các thành viên nam lại được phân chia trong hai tổ chức tập hợp dân khác biệt: "Làng văn" và "Làng hộ" - hai tổ chức với những quyền lợi và nghĩa vụ khác nhau. Vậy tại sao lại có hiện tượng này?

Theo chúng tôi, cội nguồn của vấn đề xuất phát chính là từ truyền thống trọng học trong cộng đồng làng xã. Không phải ngẫu nhiên ở hai làng Bột có Bảng Môn Đình. Trên miền Bắc và miền Trung có hai ngôi đình mang tên đình Bảng, thế nhưng hai tên gọi này mang hai ý nghĩa hoàn toàn khác biệt: nếu Đình Bảng ở Từ Sơn (Bắc Ninh) được đặt theo tên gọi của làng (làng Đình Bảng), thì Bảng Môn Đình lại là cái tên mang hàm ý khuyến khích sự học của làng: Bảng Môn: *cửa dẫn vào bảng Vàng*,

khoa bảng. Không phải ngẫu nhiên mà tự hương âm ở đây trước tiên là “*trọng khoa hơn trọng hoạn*” (trọng người đỗ đạt, có học vị, hơn là người phẩm trật quan tước), sau đó mới theo nguyên tắc: “*Hữu quan nhượng quan, vô quan nhượng lão*” (Nghĩa là: Nếu có quan tước thì nhường người có quan tước cao, còn nếu không có quan chức thì nhường người nhiều tuổi). Đến Hoàng Lộc, chúng ta được nghe nhiều câu chuyện dân gian mà trong đó, người ta dành chiếu trên tại Bảng Môn Đình, dành sự tôn kính cho Hoàng giáp Nhạ trẻ tuổi hơn cả Thượng thư Hà Duy Phiên (27) đầu triều! Những điều này là minh chứng cho thấy vai trò của sự học trong cộng đồng làng xã.

Chính vì vậy, sự ra đời của “Làng văn” và “Làng họ” cũng không nằm ngoài mục đích trên. Sự phân biệt cư dân của hai “làng” có ý nghĩa tôn trọng, động viên, khuyến khích người có học. Nếu cha ông là dân “Làng họ” nhưng đến con cháu được học hành thì có thể được vào “Làng văn”. Với người dân Hoàng Bột, đó là cả sự thay đổi thân phận. Chính do một số điều phân biệt giữa dân hai “làng” nên nhiều gia đình, dù nghèo khó đến đâu, cũng cố cho con em theo đòi bút nghiên chữ nghĩa để có dịp vào “Làng văn”, để có vị trí trong các hoạt động của làng xã. Điều này góp phần thúc đẩy tinh thần học tập của mọi người dân trong làng, dù đó là gia đình giàu có, hay những gia đình quanh năm “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”.

3.2. Sự tồn tại của hai tổ chức “Làng văn” và “Làng họ” cũng cho thấy một xã hội ngôi thứ nặng nề ở Hoàng Lộc thời trung đại. Ở Bảng Môn Đình hiện nay cũng còn nhiều câu đối thể hiện rõ điều này:

士君子立身俯仰無愧

鄉飲酒以禮長幼有倫

Phiên âm:

Sĩ quân tử lập thân phủ ngưỡng vô quý

Hương ẩm tửu dĩ lễ trường ấu hữu luân

Dịch nghĩa:

Người quân tử lập thân được thua không thẹn

Làng liên hoan phải có lễ trên dưới đáng bậc

Hoặc:

有等有倫序列尊卑鋪盛會

昭文昭度莊嚴內外壯榮光

Phiên âm:

Hữu đẳng hữu luân tự liệt tôn ti phổ thịnh hội

Chiêu văn chiêu độ trang nghiêm nội ngoại tráng vinh quang

Dịch nghĩa:

Có đẳng có bậc sắp đặt trên dưới bày hội tụ

Sáng văn sáng phép trang nghiêm trong ngoài đẹp cảnh quan

3.3. Từ trước đến nay, khi nghiên cứu về tổ chức xã hội của làng xã Việt Nam truyền thống, chúng ta vẫn cho rằng “Làng văn” hay “Làng họ” là những tổ chức có tính chất “phường hội” đơn thuần, không phải một tổ chức nằm trong bộ máy quản lý xã hội. Song trong quá trình diễn dã thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng: các tổ chức này, đặc biệt là Hội tư văn tại những nơi có truyền thống khoa bảng như Hoàng Bột, có vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của làng xã, nhất là trong các sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng. Hơn nữa, mặc dù không nắm thực quyền, nhưng “Làng văn” là bộ tham mưu, vạch kế hoạch quản lý mọi mặt cho chức dịch thi hành. “Làng văn” có uy tín với dân làng, quan trên cũng phải kính nể. Lý trưởng chức dịch nếu tham những hống hách với dân, “Làng văn” có kiến nghị đề nghị quan trên, thì sẽ bị cách chức. Sự có mặt của các quan viên cấp trên để phê

duyet trong buổi “đầu trâu” đối với các chức Hội trưởng Hội tư văn và Thủ hộ như trường hợp Hoàng Lộc thời trung đại đã

cho thấy tầm quan trọng và ảnh hưởng của các tổ chức này trong hoạt động chung của làng xã.

CHÚ THÍCH

(1). Thanh Hóa nội trấn: Vào cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, vùng đất Thanh Hóa và Ninh Bình được chia thành: Thanh Hoa nội trấn, tức tỉnh Thanh Hóa và Thanh Hoa ngoại trấn, tức tỉnh Ninh Bình sau này.

(2). Sách *Hoàng Lộc đất hiếu học* chép tên 256 hương cống, cử nhân dưới triều Lê và triều Nguyễn. Đây là những thống kê được dẫn nguồn chủ yếu từ gia phả các dòng họ, do vậy tính chính xác cần được kiểm chứng thêm. Sách *Trạng nguyên, tiến sĩ, hương cống Việt Nam* chép 98 người Hoàng Lộc đậu trung khoa. Ở đây, chúng tôi thống kê từ *Đăng khoa lục Thanh Hóa* (nguyên văn tên sách là *Thu ti để danh kị*) kí hiệu 78/DC - 3.086 lưu tại phòng Địa chí tỉnh Thanh Hóa, công trình ra đời khoảng cuối năm 1875, đầu năm 1876, sưu tập chi tiết và công phu về các vị trung khoa của Thanh Hóa cho đến năm 1875 và sách *Quốc triều hương khoa lục* của Cao Xuân Dục.

(3). Phan Đại Doãn, *Làng Việt Nam da nguyên và chặt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006, tr. 19.

(4). Gia phả họ Bùi, bản chữ Hán, lưu tại xã Hoàng Lộc (Hoàng Hóa, Thanh Hóa).

(5). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 936.

(6), (7), (20). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, sđd, tr. 930, 933, 933.

(8). Hương ước xã Hoàng Nghĩa, bản chữ Hán, tài liệu sưu tầm tại địa phương.

(9). Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, *Hương ước Thanh Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 337.

(10), (11), (23), (24), (25), (26). Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, *Hương ước Thanh Hóa*, sđd, tr. 118, 119, 199, 201-202, 124, 335.

(12). Nguyễn Bá Nhạ hiệu là Long Châu, người xã Hoàng Đạo sinh năm Nhâm Ngọ (1822), đỗ Hương cống khoa Tân Sửu, niên hiệu Thiệu Trị thứ nhất (1841). Khoa thi Hội năm Quý Mão (1843), ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân thứ nhất (Úc Hoàng giáp), khi ông 22 tuổi. Đây là khoa thi đầu tiên nhà Nguyễn lấy đỗ Đệ nhất giáp và người đỗ Đình nguyên, Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ tam danh (Thám hoa) là Mai Anh Tuấn, người Thạch Giản, huyện Nga Sơn, học trò của Nhữ Bá Sĩ.

(13), (19). Bùi Khắc Việt, Nguyễn Đức Nhuận, *Hoàng Lộc - đất hiếu học*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa, 1996, tr. 61, 62.

(14). Xem thêm: Phạm Văn Tuấn, *Cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của làng Việt ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Luận án Tiến sĩ sử học, Hà Nội, 2008.

(15). *Gia phả họ Hà (Hà tộc phả kị)*, tài liệu sưu tầm tại địa phương.

(16), (18). *Gia phả Nguyễn Hữu*, tài liệu sưu tầm tại địa phương, tr. 8-9.

(17). Nguyễn Hoa thuộc dòng dõi Tiến Nguyễn Thanh, (1506-1545), Tiến sĩ khoa Tân Sửu, triều Mạc Phúc Hải (1541), hai lần thi Hội chỉ đỗ tam trường, song dạy học rất giỏi, được chúa Trịnh mời về kinh đô giảng sách tại phủ Minh Đô Vương (Trịnh Doanh).

(21). Xem thêm: Phạm Văn Tuấn, *Cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của làng Việt ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ sử học, Hà Nội, 2008.

(22). *Thức ước văn làng Hoàng Bột*, tài liệu sưu tầm tại địa phương.

(27). Hà Duy Phiến (1791-1852): đỗ Hương cống Khoa Kỷ Mão, niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), làm quan đến Thượng thư bộ Hộ.